

BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM  
ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐẠI HỌC  
Môn: VẬT LIỆU KT VÀ THIẾT KẾ ĐT  
(Đáp án - thang điểm gồm 2/2 trang)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu	Nội dung	Điểm
1	Nội dung thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tầm nhìn, tầng cao xây dựng công trình cho từng lô đất và cho toàn khu vực;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoảng lùi của công trình trên từng đường phố và ngã phố;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống cây xanh, mặt nước, quảng trường.</li> </ul>	0.25
	Nội dung quy định theo đồ án quy hoạch chi tiết:	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ranh giới, phạm vi khu vực quy hoạch;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vị trí, ranh giới, chức năng, quy mô các lô đất trong khu vực quy hoạch;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ tiêu về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, cốt xây dựng đối với từng lô đất;</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiều cao, cốt sàn và trần tầng một, hình thức kiến trúc và hàng rào công trình, vật liệu xây dựng của các công trình;</li> </ul>	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường, ngõ phố;</li> </ul>	0.5
<ul style="list-style-type: none"> <li>Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> </ul>	0.25	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Vị trí, quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm;</li> </ul>	0.5	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan và bảo vệ môi trường.</li> </ul>	0.5	
<b>Tổng điểm câu 1</b>		<b>4.0 đ</b>
2	Đối với hình khối kiến trúc: <ul style="list-style-type: none"> <li>Cụ thể hóa quy hoạch phân khu</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết kế về tổ chức không gian cảnh quan</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo lập hình ảnh kiến trúc khu vực</li> </ul>	0.25
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định khối tích các công trình bằng giải pháp: hợp khối hoặc phân tán.</li> </ul>	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đề xuất giải pháp cho các kiến trúc mang tính biểu tượng, điều khác.</li> </ul>	0.5
	Đề xuất hình thức kiến trúc chủ đạo là: <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiến trúc hiện đại hoặc kiến trúc kết hợp với truyền thống; Kiến trúc mái dốc hoặc mái bằng</li> </ul>	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cốt cao độ của các tầng; hình thức cửa, ban công, lô gia.</li> </ul>	0.25
Đề xuất các quy định bắt buộc đối với các kiến trúc nhỏ khác về: kích cỡ, hình thức các biển quảng cáo gắn với công trình.	0.5	
Nội dung bản vẽ thiết kế đô thị riêng cho một tuyến phố, ô phố:		

a) Sơ đồ vị trí, mối liên hệ khu vực thiết kế với đô thị	0.25
• Xác định vị trí ranh giới khu vực thiết kế	0.5
• Giới hạn các vùng ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan khu vực	0.5
b) Các bản vẽ mặt bằng hiện trạng (có phân tích đánh giá):	
• Thể hiện theo tỷ lệ 1/500 – 1/200	0.25
• Dựa trên cơ sở bản đồ địa hình có tỷ lệ tương ứng.	0.25
c) Các bản vẽ chi tiết (mặt bằng tổng thể, mặt đứng, phối cảnh minh họa) tỷ lệ 1/500-1/200.	0.25
Trong trường hợp cần làm rõ kiến trúc một số công trình tiêu biểu, đặc trưng, điểm nhấn tại những khu vực cụ thể thì tỷ lệ bản vẽ 1/200-1/100.	0.5
d) Bản vẽ quy định về kỹ thuật hạ tầng (mặt cắt cốt đường, cốt xây dựng nền đường, cốt xây dựng vỉa hè, các, trang thiết bị đường phố và các công trình tiện ích khác trong đô thị) thể hiện tỷ lệ 1/500.	0.5
<b>Tổng điểm câu 2</b>	<b>6.0 đ</b>